

Số phận bất hạnh của phụ nữ trong tiểu thuyết *Kỳ nữ họ Tống* của Nguyễn Văn Xuân

The unfortunate fate of women in the novel “Ky nu ho Tong” by Nguyen Van Xuan

Vũ Đình Anh*
Dinh Anh Vu*

Khoa Văn hóa và phát triển, Học viện Chính trị khu vực III, 232 Nguyễn Công Trứ, Đà Nẵng, Việt Nam
Faculty of Culture and Development, Academy of Politics Region III, 232 Nguyen Cong Tru, Da Nang, Vietnam

(Ngày nhận bài: 31/03/2020, ngày phản biện xong: 20/04/2020, ngày chấp nhận đăng: 27/6/2020)

Tóm tắt

Kỳ nữ họ Tống là tác phẩm mà Nguyễn Văn Xuân tâm đắc nhất khi còn sống. Cuốn tiểu thuyết phản ánh về giai đoạn lịch sử nửa đầu thế kỷ XVII ở Đàng Trong. Tác phẩm đã đặt ra rất nhiều vấn đề, suy tư, quan điểm khác nhau. Bên cạnh cảm hứng phê phán và tố cáo tham vọng quyền lực, tiền bạc, tình dục..., nhà văn còn bày tỏ lòng cảm thương đối với thân phận phụ nữ. Những nhân vật nữ như công chúa, thiếu nữ quý tộc hay gia đình nghèo, số phận bất hạnh của họ giống như quân cờ trong một trò chơi về quyền lực, tiền bạc. Đó là tiếng nói “xót thương cho thể thái nhân tình, cho số phận, kiếp người” của những người phụ nữ trong thời kỳ loạn lạc.

Từ khóa: Kỳ nữ họ Tống; Nguyễn Văn Xuân; thân phận phụ nữ; bạc mệnh.

Abstract

“Ky nu ho Tong” is Nguyen Van Xuan’s most favourite literature work when he was alive. The novel reflects the historical period of the first half of the XVII century in Dang Trong. The work of literature has given a lot of problems, thought-provoking titles and different perspectives. Besides the inspiration for criticizing and denouncing the ambitions of power, money, sexuality and so on, the writer also expressed compassion on women’s fate. The fates of female characters such as princesses, noble young ladies or the poor were like the chess pieces in the game of power, money. That was the voice of “mercy to the humanity, fate and life” for the women in turbulent time.

Keywords: Ky nu ho Tong; Nguyen Van Xuan; women’s fate; unfortunate fate.

1. Đặt vấn đề

Kỳ nữ họ Tống [1] là tiểu thuyết dày dặn và thành công nhất của Nguyễn Văn Xuân sau gần 70 năm cầm bút. Ngay sau khi phát hành, tác phẩm đã được công chúng đón nhận rộng rãi, được Liên hiệp Hội Văn học nghệ thuật thành phố Đà Nẵng trao giải A, Liên hiệp Hội Văn học nghệ thuật toàn quốc trao giải A năm 2003. Nhà văn Nguyễn Ngọc đã có nhận định sâu sắc

về tác phẩm này: “*Kỳ nữ họ Tống*, một cuốn sách chỉ có thể viết được bởi một nhà văn dày dặn kinh nghiệm nghề, chìm nổi trải nghiệm đời, một học giả uyên bác, mà vẫn không hoàn toàn đánh mất đi sự táo bạo trẻ trung từng có hơn nửa thế kỷ trước” [2].

Kỳ nữ họ Tống của Nguyễn Văn Xuân xây dựng công phu về một giai đoạn lịch sử nửa đầu thế kỷ XVII ở Đàng Trong. Nhân vật chính

là Tống Thị, người đàn bà có thật dưới thời các chúa Nguyễn Phước Nguyên (chúa Sãi), chúa Nguyễn Phước Lan (chúa Thượng) và chúa Nguyễn Phước Tần (chúa Hiền). Chính sử triều Nguyễn ghi chép rất vắn tắt về bà, rằng bà là vợ trấn thủ Quảng Nam - Nguyễn Phước Kỳ, con dâu chúa Sãi, chị dâu và tình nhân của chúa Thượng, về sau tư thông với Chương dinh Nguyễn Phước Trung (em ruột chúa Thượng) mưu làm phản, bị chúa Hiền xử tử. Dù bị coi là “nghịch thần” song sử sách vẫn khen ngợi nhan sắc cùng tài ăn nói của bà Tống. Đó là cơ sở để Nguyễn Văn Xuân dành khoảng gần 10 năm để viết tiểu thuyết lịch sử này.

Qua tác phẩm, Nguyễn Văn Xuân đã đặt ra rất nhiều vấn đề, chiều cạnh, suy tư trong sáng tác tâm huyết nhất của mình. Nếu như phần nổi của tác phẩm là cảm hứng phê phán, tố cáo những tham vọng quyền lực, tiền bạc, sắc dục... thì cũng có rất nhiều góc khuất cần tĩnh tâm nghiền ngẫm. Một vấn đề được nhà văn quan tâm sâu sắc là sự thương cảm đối với số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến Việt Nam thời loạn lạc. Điềm qua các nhân vật phụ nữ trong tiểu thuyết *Kỳ nữ họ Tống* từ chính đến phụ, xuất hiện từ đầu đến cuối hay chỉ một vài chi tiết của tiểu thuyết, thì cảm nhận chung nhất về số phận của họ là *hồng nhan bạc mệnh*. Tiểu thuyết như góp thêm tiếng nói tố cáo sự bất bình đẳng trong xã hội phong kiến thời kỳ suy tàn. Người phụ nữ Việt xưa chịu nhiều bất công, bất bình đẳng của “lễ giáo phong kiến trên hai phương diện, áp bức giai cấp và áp bức giới tính” [3].

2. Số phận bất hạnh của những người phụ nữ trong tiểu thuyết

2.1. Con gái của chúa Nguyễn và các quan lại

Nếu theo cách nghĩ thông thường, những nhân vật phụ nữ là các công nữ, tiểu thư, con chúa Nguyễn và các quan lại sẽ được hưởng cuộc sống an nhàn, hạnh phúc. Vậy nhưng

trong tiểu thuyết này, họ đã phải nếm trải nhiều nỗi buồn, thậm chí là đắng cay, mất mát. Bởi họ không có quyền lựa chọn hạnh phúc cho mình, họ bị cha mẹ coi như những món hàng, những quân bài phục vụ cho mục đích chính trị.

Nhân vật “con út của chúa Sãi” [4], còn được gọi là “bà Phò mã” đã gợi cho chúng ta nhiều suy nghĩ. Là người con gái quyền quý mà đến tên riêng cũng không được đề cập, qua đó cũng phản ánh phần nào về thân phận phụ thuộc của họ (nhỏ thì phụ thuộc cha mẹ, lấy chồng thì phụ thuộc chồng). Nàng lấy Hiền Hùng theo sự sắp đặt của chúa. Hiền Hùng vốn là đại thương gia, chủ một thuyền buôn lớn từ Nhật Bản thường giao thương tại Hội An (tên là Sataro, song để dễ gọi, được chúa “ban họ Nguyễn Đại Lượng, tên Hiền Hùng”). Nhân vật bà Phò mã chỉ được đề cập ngắn gọn trong vài đoạn văn đến thăm Tống Thị sau khi Nguyễn Phúc Kỳ mất. Nhất là từ khi vợ chồng ông Hiền Hùng được lệnh về Nhật gấp, nên đã diễn ra “cuộc chia tay đầy nước của hai người đàn bà trẻ, đẹp, một người sớm góa bụa và một người sẽ chịu cảnh xa xứ vĩnh viễn”.

Bà Phò mã nghĩ đến cảnh theo chồng về Nhật, một đất nước xa xôi, ngàn trùng cách trở mà ứa nước mắt nhớ đến “chị Ngọc Vạn, hoàng hậu của Chân Lạp (vợ vua Chey - Cheeta), đến tin tức còn khó khăn huống gì mong gặp mặt”. Từ đây, những dòng tâm sự náo lòng giữa hai người phụ nữ quyền quý nhưng bất hạnh. Họ là các công nương con chúa nhưng rồi cũng đành chịu thân phận gả bán đến những đất nước, chân trời mịt mù không hẹn ngày gặp lại. Nỗi khổ của họ không chỉ là đường xa cách trở, mà còn là sự khác biệt về văn hóa, về lối sống, về sự thiếu thốn tình cảm không gì bù đắp được: “Người ta còn mong đôi bữa, nửa tháng về thăm cha mẹ, ngày giỗ, ngày kỵ dẫn chồng về lạy bàn thờ, ngày Tết về mừng tuổi ông bà, cha mẹ, chứ như bọn em ra đi, chân trời mặt biển biết lúc nào tái hợp, nghĩ mà tủi thân”.

Từ hiện thực này, Tống Thị dẫn ra câu chuyện trong lịch sử, so sánh với Huyền Trân công chúa để thấy bà Phò mã đỡ khổ hơn. Bởi dù sao Hiên Hùng còn là người tao nhã, lại ở đất nước văn minh, gần gũi về văn hóa, về tín ngưỡng, tâm linh: “Thiệt may mà chồng em cũng cùng Nho giáo, Phật giáo với nhà ta”. Còn công nữ Ngọc Vạn về làm vợ vua Chân Lạp thì tựa như Huyền Trân “về làm dâu nước Chiêm Thành chỉ có núi sâu rừng thẳm...”. Bà Phò mã cũng thừa nhận: “Giống hệt thôi! Huyền Trân thì gả bán để mở Chiêm động, chị em thì... Ôi! Cái thân con gái sinh vào gác tía, lầu son, ai đứng ngoài cũng tưởng sung sướng lắm đấy”. Rồi bà Phò mã giải bày thêm về người chị phải lấy chồng xa xôi vì ý muốn, mục đích của chúa Sãi là giữ tình bang giao và giữ yên bờ cõi. Chúa Sãi khuyên nhủ con khi gả chồng xa: “họ tộc nhà ta đang buổi đầu lập quốc, nào khác gì ngọn đèn trước gió, chẳng biết tắt lúc nào nên phải toàn tâm, toàn lực giữ đất, mở đất. (...) Vậy gả con về Chân Lạp xa xôi, cha mẹ rất đau khổ nhưng không thành tựu việc này thì họ Nguyễn ta biết làm sao ổn định được phương Nam mà đốc toàn lực ổn định mặt Bắc?”. Chúa Sãi khuyên con chấp nhận lấy chồng viễn xứ là sự hy sinh cao cả, sau này khi đại nghiệp thành thì “tên con ghi vào sử sách còn quan trọng hơn gấp mấy lần chuyện cũ của công chúa Huyền Trân”. Nhìn lại lịch sử, thời xưa, việc gả công chúa cho vua quan các nước láng giềng vì mục đích chính trị đã trở nên phổ biến. Một nhân vật cả xứ Đàng Trong, cả đất Việt thường nhắc đến là công chúa Huyền Trân lấy Chế Mân (Quốc vương Chiêm Thành) để đổi lấy hai châu Ô, Lý (từ nam đèo Hải Vân đến phía bắc Quảng Trị ngày nay). Nếu không có được vùng đất này, nhất là khu vực đèo Hải Vân (rất khó khăn, nguy hiểm nếu dùng vũ lực để đánh chiếm) thì chưa biết đến khi nào người Việt mới có thể mở cõi về phương Nam.

Song các công nữ không hề mong muốn một cuộc hôn nhân với người chồng viễn xứ để rồi được ghi vào sử sách, họ phải chấp nhận vì quan niệm “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” đã thành *luật bất thành văn* trong xã hội thời phong kiến. Họ phải chấp nhận hy sinh vì sự nghiệp của cha và biết là không thể khác được. Họ chưa chút nhận ra rằng, đến công lao mở cõi to lớn như Huyền Trân mà “Tới bây giờ em chưa thấy ai ca tụng, chỉ nghe toàn những lời đàm tiếu”. Họ biết khi ra đi là chịu cảnh “xương trắng gửi quê người nào có ai thêm biết tới hưởng hồ là nhắc nhở. Rồi còn thân em... Đó! Sự nghiệp mở nước của cha em!”. Đây cũng một tiếng nói lên án việc lấy những người con gái, thậm chí chính con ruột của mình để mưu đồ chính trị.

Nhân vật Thu Thủy, con của một mệnh quan triều đình, lấy Quận công, con cả của Tống Thị theo kiểu “Môn đăng hộ đối”, “Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”. Ngay khi mới biết tin Quận công chuẩn bị lấy vợ, Hải Bằng đã có suy nghĩ: “Rồi cậu ta sẽ làm gì với người vợ bạc phước nào đó sẽ rơi vào tay quận công ngớ ngẩn này?”. Quả thực, khi đọc *Chương II: Môn đăng hộ đối ở phần V* của tiểu thuyết khiến ta vừa buồn cười vừa xót thương cho cặp vợ chồng “Nhu bông hoa lài cấm bãi cứt trâu”. Thậm chí, tác giả còn nhấn mạnh thêm là “ở đây chỉ là bãi cứt trâu khô, cắm vào đó chỉ còn thấy héo hon, ròi rã”. Hải Bằng là người phải đứng ra để phối hợp “ngịch cảnh đáng thương tâm này”, đã tự nhủ theo câu nói của cổ nhân để “bớt nỗi ray rứt tâm can: “Ôi! Hồng nhan bạc phận”. Thu Thủy đã tìm mọi cách để phản đối, thậm chí chống đối cuộc hôn nhân bất hạnh của mình quyết liệt đến mức “đã có lần tự tử, nhưng may sao có người cứu kịp”. Hải Bằng cũng tìm cách ngăn chặn “cuộc hôn nhân vô nhân đạo này”, nhưng không có phương cách nào cứu vãn. Cuộc hôn nhân *đôi đũa lệch* này cũng tan vỡ khi âm mưu tạo phản của Tống Thị bại lộ,

Quận công bị đi đày, thì Thu Thủy về nhà cha mẹ và “Thề chết sống là không bao giờ ngó mặt người chồng ấy nữa”.

Đến Túy Nguyệt, vợ của Hải Bằng là con của gia đình quyền quý, có sắc đẹp, lại tháo vát, lanh lẹ, luôn dành tình yêu sâu sắc cho Hải Bằng. Ai cũng nghĩ nàng sẽ có được hạnh phúc, song số phận nàng cũng bất hạnh như bao nhân vật phụ nữ khác. Nàng cũng chỉ là cái bóng của Tống Thị trong lòng chồng. Bởi khi xác định lấy nàng, Hải Bằng chỉ nghĩ làm vậy chàng sẽ được tiếp tục gần gũi, gắn bó với Tống Thị nhiều hơn, và mỗi lần “gần gũi” thì Hải Bằng thường tưởng tượng là hình ảnh Tống Thị. Túy Nguyệt cũng không có được niềm vui, hạnh phúc làm mẹ, dù nàng rất mong muốn. Đến khi âm mưu của Tống Thị bị phanh phui, sau ngày đêm hỗn loạn, Túy Nguyệt “biệt vô âm tín”. Nàng còn sống hay đã chết, lưu lạc xứ nào hay chỉ là hồn ma vật vờ không người thờ cúng?

2.2. Các nhân tình, nhân nghĩa của chúa và các quan lại

Một số nhân vật như Thị Thừa, Thị Tứ, Thị Ngũ, Sáu... bị ném vào cuộc đời rối ren, loạn lạc, bị coi như những người tình hồ phục vụ cho thú ăn chơi, hưởng lạc của tầng lớp trên. Tiêu biểu như Thị Thừa - một “hồng nhan bạc phận”. Nàng là con người tài sắc vẹn toàn: “thuộc loại quốc sắc, thiên hương lại có tiếng hát tuyệt diệu, có thể làm mềm nhũn lòng người”. Nếu theo lẽ thường, nàng sẽ được hưởng hạnh phúc trọn vẹn vì đã gặp được chúa Hiền - một minh chúa thời ấy. Nàng được chúa Hiền hết mực yêu thương, chưa gây lỗi lầm gì. Ấy vậy mà sau một đêm thức trắng đọc “truyện Ngô Vương Phù Sai vì quá yêu Tây Thi mà thân nhục, nước mắt, mồ hôi hận ngàn đời không tan được, Chúa giạt mình”. Chúa Hiền đã có cách xử trí theo đúng nguyên tắc của vị chúa “tham vọng” và “tàn nhẫn”. Đó là sai người cho Thị Thừa uống thuốc độc, loại nàng ra khỏi cuộc đời để chúa chuyên tâm chính sự.

Đoạn văn tả về cái chết “lạ lùng” của nàng, nhà văn viết với giọng vừa mỉa mai, vừa xót thương cho người đẹp. Thị Thừa “Quần quai một giờ, người con hát xinh đẹp khó tìm thấy ở trần gian đã thở hơi cuối cùng để thâm thía sâu sắc cái tên Hiền của Chúa. Tài sắc của nàng quả là tai họa cho sinh mạng nàng để dẫn tới cái chết lạ lùng, bi thảm”. Một người con gái tài sắc hiếm có trong cuộc đời cũng chỉ như món đồ chơi, khi chúa không cần nữa thì vứt bỏ không thương tiếc. Theo lời bình luận và suy ngẫm của Hải Bằng thì chúa Hiền cũng không cân bằng được hai dục vọng: đam mê quyền lực và đam mê người đẹp. Giữa hai đam mê này thì chúa Hiền lựa chọn quyền lực, nên đã gạt bỏ mọi trở lực khác.

Hải Bằng băn khoăn về lý do giết Thị Thừa của chúa: “Tại sao đánh thuốc độc? Nàng phải trả cái tội gì?”. Phải chăng vì Chúa quá yêu nàng? Hải Bằng tự lý giải: “Không! Chúa Hiền không phải con người có tình yêu đấm đui, điên cuồng! Đó chỉ là một bản tính tàn bạo, thích giết người thôi”. Chúa giết nàng vì không muốn nàng rơi vào tay người khác, nhưng cũng không dám giữ nàng trong cung cấm vì sự say mê người đẹp sẽ dễ dàng “phùng phục thức giấc”. Như vậy, Thị Thừa phải chết thì chúa Hiền mới tập trung cho đam mê quyền lực. Một vị chúa được nhân dân coi như “thánh nhân” cũng chỉ là người đầy tham vọng và tàn nhẫn trong suy nghĩ của nhân vật kể chuyện.

Các nhân vật Thị Tứ, Thị Ngũ... cũng là những người con gái đẹp, song chỉ vì nghèo túng mà phải làm nghề “bán thân nuôi miệng”, mong kiếm chút vốn để làm ăn. Thị Ngũ chỉ là hình bóng thay thế Tống Thị trong lòng Thắng Bồ vì nàng có nét giống với Tống Thị. Cuộc tình nhân nghĩa của nàng cũng không yên ổn khi nàng lọt vào mắt “con quỷ dâm dục” Nguyễn Phước Trung, bị Chường dinh cho người bắt cóc để chiếm đoạt, hưởng thụ. May mà được Thắng Bồ và các bạn bè cứu nàng thoát được.

Còn Thị Tứ là nhân tình của Hải Bằng, cô nàng đôi lúc cũng mơ ước được danh chính ngôn thuận, làm bà bé nhưng không được toại nguyện, vì Hải Bằng không muốn Túy Nguyệt buồn. Thị Tứ thường dùng những câu hò để nói hộ lòng mình: *“Anh buồn có chốn thờ than,/ Em buồn như thể hương tàn canh khuya”*, *“Chàng ơi phụ thiếp làm chi,/ Thiếp là com nguội chờ khi đói lòng”*, và còn nhấn mạnh thêm: *“Anh có thấy cây hương thấp trong đêm khuya, tàn lụi lờn lờn trong đêm khuya không. Đó, đời của em đó”*. Hải Bằng hiểu nỗi lòng của Thị Tứ, nhưng cũng chỉ thể hiện sự thương cảm bằng việc không xem thường mà *“tỏ cho nàng biết lòng yêu chuộng, quý mến”*.

Còn với Sáu (Tịnh), cũng vì cảnh ngộ *“cha chết. Mẹ già yếu, nghèo khổ”* mà phải dấn thân đi làm thuê ở Hội An, rồi gặp gỡ với nam thanh niên người Hoa. Chính người này đã lừa nàng về thăm nhà để tính chuyện cưới xin và *“đưa cô về Tàu để bán”*. Đoạn văn này là cơ hội để Nguyễn Văn Xuân thể hiện những hiểu biết, suy tư của mình về cái nghề *“bán thân nuôi miệng”* bạc bẽo, ê chề nơi thương cảng sầm uất Hội An một thời. Những câu ca dao mà gần Hội An ai cũng biết đó là: *“Hội An bán gấm, bán điều,/ Kim Bồng bán cải, Trà Nhiêu bán...”*. Ông miêu tả khá kỹ về đặc tính, sở thích *“hành lạc”* của từng nhóm người làm ăn ở đây. Nếu như nhóm *“người phương Đông Việt, Tàu, Nhật... chỉ dám lên lút nhờ bóng tối che giấu cả suy tư và hành động của mình”* thì nhóm phương Tây chẳng cần lên lút, ngại ngần, họ công khai đòi hỏi cái thú vui xác thịt. Nhóm người Tàu đặc biệt rất đề cao trình tiết, họ quan niệm khi quan hệ với người còn trinh sẽ đem lại nhiều may mắn. *“Giá một người con gái còn trinh tiết cao gấp trăm lần người đã thử lửa. Trinh tiết đối với họ quan trọng như chính đời sống của họ, vận mệnh của họ”*. Vì vậy, họ cũng thường mua những cô gái còn trinh tiết về Trung Quốc để bán lại với giá rất cao.

Nhân vật Sáu đã bị lừa lên thuyền để đưa sang Trung Quốc, song rất may mắn, ngẫu nhiên được Hải Bằng *“Đón kiếm phá hải tặc”* cứu từ trên thuyền khi đi tìm Thị Ngũ (nhân tình của Thắng Bó). Và Sáu đã trả ơn cũng tình cảm lâm ly không kém, đó là dâng hiến trình tiết cho Hải Bằng và làm nhân tình, thêm một bên đố của chàng. Tuy nhiên, đây có lẽ trở thành bên đố thực sự của đời chàng khi kết quả của đêm Sáu trả ơn ấy đã *“đơm bông, kết trái”*. Sáu có mang giọt máu của Hải Bằng. Song số phận Sáu cũng chưa biết có hạnh phúc và có hậu không. Bởi nàng lại bụng mang dạ chửa một mình vò võ đợi Hải Bằng thực hiện xong các tâm nguyện và nghĩa vụ thiêng liêng đối với Tống Thị. Ngay cả khi Tống Thị được nhà chùa lo hương khói, thì Hải Bằng *“ra đi, mãi mãi không thấy bóng dáng nữa”*.

2.3. Nhân vật chính - Tống Thị

Nhân vật phụ nữ trung tâm của tiểu thuyết mà chúng ta không thể không đề cập, đó là Tống Thị. Dường như khi đề cập về nhân vật này, cảm nhận của chúa Hiền và nhân dân cả xứ Đàng Trong là: *“căm hận bà ấy đến gan phổi. Vì chúa cho là do bà ấy mà tiên Chúa mất đạo đức, mất lòng dân. Xã hội hư đốn, đời bại, quốc gia mất kỷ cương”*. Có điều này, cũng là phù hợp bởi hành động của Tống Thị *“thực sự chủ động, tích cực trong việc hại dân, tích lũy thành phú gia địch quốc, thay ngôi chúa bằng những hành động táo bạo chưa dễ trong thế giới đã có mấy mặt phụ nữ từ cổ chí kim hành động liêu lĩnh hơn bà”*. Nói đến Tống Thị là nói đến tham vọng quyền lực mù quáng, không có điểm dừng, dù đã giàu có đến mức chỉ thua chúa ở xứ Đàng Trong, nhưng vẫn không hài lòng. Để cuối cùng khi âm mưu tạo phản bị bại lộ đã phải nhận lấy cái chết nhục nhã, bị người đời phỉ nhổ, *“là thứ quái vật, trời không dung, đất không chứa được”*. Hình ảnh cuối cùng về Tống Thị đó là cái xác đang thối rữa được đào trộm trong đêm mưa gió để đem về chùa Thiên

Lâm chôn, mà “Nước mưa xối xả không rửa được mùi hôi thối khủng khiếp của thi hài làm cả những người thường quen tiếp xúc xác chết súc vật phải nôn ọe”.

Hành động hại dân, hại nước của nhân vật Tống Thị là không thể tha thứ, là đáng lên án. Song, chúng ta cần tìm hiểu kỹ hơn về quá trình chuyển biến tâm tư, tính cách của một *tiên nữ* sang *ác quỷ*, từ người xinh đẹp, hiền thực, từ tâm trở thành con người độc ác, xảo quyết, đê tiện.

Khi quan Trấn thủ Nguyễn Phúc Kỳ còn sống, Tống Thị không chỉ là người xinh đẹp mà còn có lòng nhân từ. Nàng thường xuyên làm công đức, “mang tiền, gạo, vải vóc ra cho những người ở các xóm nghèo quanh thành. Chị làm việc ấy từ nhiều năm”. Những người dân nghèo thấy nàng như “phật sống, bậc mỹ nhân cao quý nhất trần đời”, bởi nàng không như những bà quan khác có địa vị nhỏ hơn, nhan sắc cũng bình thường nhưng lại xem họ “như rơm, như rác”.

Nhưng cái nốt ruồi “thượng phu trích lệ” của nàng như đã ngấm báo hiệu một cuộc đời đau khổ, bất an và đem chết chóc đến cho người khác, nhất là chồng. Dù Tống Thị hết lòng chăm sóc chồng, lo cho sức khỏe chồng, nhưng Quan trấn thủ thì cứ ngày một đau yếu. Nàng không chỉ bồi dưỡng chồng bằng đồ ăn thức uống bổ dưỡng, bằng thuốc thang, mà nàng còn lo cả về mặt tâm linh, ấy là thường làm công đức và lên chùa cầu an. Nhưng oái oăm thay, Nguyễn Phúc Kỳ quá đam mê nhục dục, dù Tống Thị đã ra sức can ngăn, song vô ích. Ông không chóng lại được ham muốn tính dục, hàng đêm hết “trận” này sang “trận” khác, cứ nghỉ ngơi một lúc cho hồi sức rồi lại “vùng dậy và tái diễn”. Cuối cùng, Quan trấn thủ Quảng Nam dinh không thọ được lâu, ông chết khi độ tuổi ngoài ba mươi, đó là hậu quả nhãn tiền đã được cảnh báo.

Thiên bạc mệnh của Tống Thị bắt đầu từ cái chết của chồng, biết bao sóng gió đe dọa tâm

thân mẹ góa, con cô. Mất chồng dường như nàng mất luôn hy vọng làm bà hậu mà bấy lâu hằng mơ ước, bởi chồng vốn đã được chọn làm thế tử để nối nghiệp chúa. Thời gian này, vợ chồng Hiền Hùng thường tới thăm với những “buổi trò chuyện dài dòng này giúp chị Hai quên nỗi buồn đau thắt chặt trái tim. Nếu cứ như thế thì những ngày tang chế cũng đỡ phần nào thấm thía”. Nhưng rồi “niềm vui duy nhất trong những ngày này” cũng bị cắt đứt khi vợ chồng Hiền Hùng được lệnh về Nhật gặp.

Những tưởng sự mất mát, nỗi buồn đến đó là tận cùng, thì tai họa lại liên tiếp giáng xuống đời nàng. Trong một lần đi viếng mộ chồng, Tống Thị bị toán cướp bắt đưa lên núi (sau này mới biết là do Thăng Bó thực hiện - vì quá yêu nàng). Phải khó khăn, vất vả lắm, Hải Bằng và Lê Sách cùng quân sĩ mới cứu được nàng an toàn trở về. Sau đó không lâu, một tai họa khủng khiếp, “trọng đại”, “to lớn” hơn lại ập đến. Đó là “Quan cai cơ, thân phụ chị đã cùng cả gia quyến lên một chiếc thuyền lớn rồi vượt qua cửa Noãn (Thuận An) để về Thăng Long. Chúa rất phần nộ”. Nàng phải thân mẹ góa, con cô lặn lội dặm trường ra Phước Yên, phải lạy lục, nhờ vả hết các mối quan hệ để xin chúa tha cho. Buổi sáng Tường quận công vào trình sự việc lên chúa, tác giả so sánh “Số mệnh chị Tống và gia đình chị đặt cả vào sáng đó như trong một ván sóc đĩa: Hoặc chẵn, hoặc lẻ. Chẵn là những ngày bình an tiếp diễn; lẻ là tan vỡ, phân tán chưa biết thế nào lường trước được”. Nhưng “sự vụ gay cân lắm” vẫn chưa thể gỡ được. Cuối cùng phải nhờ vào đứa con út đang ẵm ngửa và sự may mắn thì gia đình nàng mới qua được kiếp nạn này. Đó là Túy Nguyệt và cô Nhạn bông công tử út vào Phủ gặp chúa (ông nội), nhìn thấy đứa cháu tội nghiệp của đứa con trai sớm “thất lộc” của mình, chúa động lòng thương cảm mà tha tội cho mẹ con nàng.

Sự nguy hiểm đến tính mạng mẹ con Tống Thị coi như tạm yên ổn, nhưng những mất mát khác tiếp tục diễn ra. Sự kiện chúa Sãi chết, con cả của nàng với tư cách con trưởng, cháu đích tôn không được đoái hoài tới, mà công tử thứ hai, Nguyễn Phước Lan lên ngôi năm Ất Hợi (1635). Bao nhiêu hy vọng mà nàng nuôi nấng dành cho con trai một lần nữa tiêu tan. Sau đó, đến những ngày chiến tranh nội loạn tranh giành quyền lực của Nguyễn Phước Anh với anh trai là chúa Thượng diễn ra khốc liệt, tính mạng quân lính, nhân dân như cỏ rác trong loạn lạc. Tống Thị chua chát nhận ra: “vua chúa nào cũng độc ác như nhau khi động chạm quyền lợi của họ. Họ có thể chém anh, giết cha, bỏ thuốc độc mẹ, tru di tam tộc những đại thần...”.

Dường như đây là thời điểm Tống Thị hoàn toàn hoài nghi, mất niềm tin vào cuộc đời. Những áp lực của đời sống suốt từ khi chồng chết, xô đẩy, dồn ép nàng với những mất mát, đau khổ, tuyệt vọng, khiến nàng hoàn toàn bế tắc. Nàng biết cuộc đời không để cho nàng yên ổn nên đã nảy sinh tư tưởng nổi loạn. Từ đó, nàng chuyển sang trạng thái chủ động tham gia vào cuộc chơi tranh giành quyền lực với đời. Và Hải Bằng phát hiện ra con người nàng xuất hiện “một loại nhan sắc tuyệt diệu của ác thần, trái ngược hẳn với con người bình thường”. Chính khi Tống Thị bị dồn vào một cảnh huống hỗn độn, nàng đã chấp nhận thâm nhập, tham gia vào cảnh huống loạn lạc. Nàng tham gia như là chấp nhận thách thức của cuộc đời, chấp nhận một cuộc chơi vô nghĩa lý mà nàng tinh táo nhận ra: “Làm sao mò cha cỏ chưa kịp mọc mà anh em đã vác gươm súng ra chiến trường rồi đâm nhau, bắn nhau như một lũ cướp, chẳng còn chút thể thống nào. Chỉ để cho thiên hạ nhìn vào chê cười, để cho máu sinh linh vô tội hết đổ ở Bắc lại đổ ở Nam? Khốn khổ! Tham lam! Một lũ điên! Chị rít lên”.

Đây chính là một trạng huống thường gặp trong văn học hậu hiện đại. Nguyễn Văn Xuân

đã phân tích kỹ lưỡng, sâu sắc những diễn biến xảy ra trong tâm hồn Tống Thị qua suy tư của Hải Bằng: “Tôi chỉ biết là chị đã cay chua, đau đớn, chán ngán nhiều, nhất là sau những ngày tiếp cận với những nhân vật cao cấp Nam Hà, trong phủ chúa. Những thăng trầm, hy vọng, tuyệt vọng nối tiếp nhau trong thời gian chưa tới năm năm đã đủ sức để chuyển biến tâm tư, tình cảm chị đến thế nào? Tôi chỉ biết một điều chắc chắn là sự thay đổi của chị có khi đến tận gốc rễ”.

Khi Tống Thị chủ động tham gia vào cuộc chơi tranh giành quyền lực đầy phi lý thì tâm tính thay đổi hẳn, trở nên độc ác, tham lam, nham hiểm và đặc biệt, rất biết lợi dụng sắc đẹp để mưu lợi, cầu danh. Bằng sắc đẹp mê hồn người, giọng nói ngọt ngào, cử chỉ uyển chuyển, tài năng hơn người, Tống Thị làm lu mờ tất cả những người phụ nữ ở gần bà. Con người ấy đã làm mê muội biết bao nam nhi, đại trượng phu, vua chúa, quan lại. Cụ thể, ta có thể điểm qua vài gương mặt như Quan trấn thủ Nguyễn Phúc Kỳ, chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan, Chương dinh Nguyễn Phước Trung, chúa Trịnh Tráng, Hải Bằng, Thăng Bó... Tất cả đều trở thành những quân cờ để bà giật giây theo tham vọng của bản thân. Tống Thị biết việc mình làm là sai trái, sẽ gây đau khổ chết chóc cho nhiều người nhưng vẫn làm, bởi mọi niềm tin, giá trị, chuẩn mực của nàng đã đổ vỡ. Tất cả đều vô nghĩa lý. Nàng coi cuộc sống như là cuộc chơi, và sẽ cháy hết mình, thể hiện hết mình trong cuộc chơi đó.

Cuối cùng, nàng đã bị xử tội chết khi âm mưu cấu kết cùng Chương dinh Nguyễn Phước Trung tạo phản bị bại lộ, tài sản bị phân phát cho nhân dân, gia đình tan nát. Khi suy ngẫm sự việc này, Hải Bằng liên hệ tới vở tuồng: “Với cái chết này, tôi biết... Người ta thờ phào xem như thế là kết thúc một tuồng hát có đoạn gay cán nhất rồi. Khán giả thỏa mãn ra về. Tất nhiên lời bàn tán xôn xao không phải chấm dứt.

Nhưng nó rút vào các quán rượu các gia đình”. Đây cũng chính là một cách thức diễn ngôn hậu hiện đại, coi cuộc đời như là trò chơi, là vở kịch, là hư vô. Nếu như cuốn tiểu thuyết là một “trò chơi lớn” mà Nguyễn Văn Xuân ngẫu nhiên bắt gặp trong đồng sách cỏ, thì mỗi nhân vật, mỗi cuộc đời, số phận lại như những “trò chơi”, “màn kịch”, “vở tuồng”... giữa cuộc đời. Các nhân vật hoặc chủ động tham gia cuộc chơi hoặc bị số phận, hoàn cảnh đẩy vào cuộc chơi đầy khắc nghiệt. Mà trong cuộc chơi đó, “cái tai họa đau nhức, tủi nhục nhất của người này là trò chơi vô nghĩa của người kia”.

Như vậy, suy cho cùng, nhân vật nữ chính trong tiểu thuyết cũng là một con người đáng thương, “hồng nhan bạc mệnh”. Nàng bị khủng hoảng niềm tin, cuối cùng chính nàng cũng đánh mất bản ngã, làm lạc phương hướng góp phần gây thêm sự loạn lạc, đổ vỡ của cuộc đời. Nếu chỉ là một người bình thường chết đi thì “Người ta quên đi mau chóng. Nhưng cuộc đời, hoạt động tham vọng, quyền lực, uy thế, sự thất bại và rồi đây cái chết nhục nhã nhất dành cho nàng được dư luận, sử sách nhắc mãi chưa chắc đến bao giờ thời gian mới buông tha”. Vì vậy, nhân vật Hải Bằng đã tìm mọi cách để xóa bớt nỗi ô nhục mà nàng phải chịu đựng, lo toan chu đáo để nhà chùa hương khói cho nàng, ghi lại nhật ký để tìm sự cảm thông cho nàng.

3. Kết luận

Nói chung, tiểu thuyết *Kỳ nữ họ Tống* đã phản ánh một thực trạng xót xa, nhiều bất hạnh của những người phụ nữ trong thời kỳ Nam - Bắc phân tranh. Số phận họ chỉ như là những quân cờ trong cuộc chơi của những kẻ có quyền, có tiền. Các công chúa, công nữ, tiểu thư thì bị cha mẹ xem như những quân cờ để “lót đường”, để “muru đồ chính trị, thương mãi”, để lấy “quan hệ”. Họ sẵn sàng gả con gái của mình đến những đất nước xa xôi để cuối

cùng chịu cảnh “xương trắng xứ người”. Những người con gái nghèo thì trở thành trò “tiêu khiển”, “mua vui”, “giải sầu” của các quan lại, lái buôn giàu có. Những phụ nữ có tài, có sắc thì đều kết cục bi thảm. Nhân vật Tống Thị đã không chịu đầu hàng số phận, ra sức vùng vẫy để chống lại “mệnh bạc”. Nhưng sự lầm lạc phương hướng của nàng đã góp phần sâu sắc thêm sự loạn lạc của cuộc đời, số phận nàng càng ê chề, nhục nhã hơn.

Qua việc miêu tả số phận bất hạnh của những người phụ nữ, tiểu thuyết như một tiếng nói góp thêm vào để tố cáo xã hội nhiều bất công, bất bình đẳng thời phong kiến. Đây cũng là vấn đề chưa cũ trong xã hội ngày nay. Vì vậy, tiểu thuyết của Nguyễn Văn Xuân như muốn tìm sự cảm thông, thấu hiểu của cuộc đời cho các nhân vật nữ, nhất là Tống Thị. Nếu người đời có đọc thì xin hãy dành sự “xót thương cho thể thái nhân tình, cho số phận, kiếp người”, như lời tâm sự của Hải Bằng với sư trụ trì chùa Thiên Lâm. Suy cho cùng, giữa xã hội đầy bất công, loạn lạc, bất an, đổ vỡ đó thì hành động của nàng như là một cơn gió góp thêm vào cơn lốc xoáy của cuộc đời mà thôi. Rồi tất cả quyền lực, tiền bạc, ham muốn cũng đều tan như cát bụi, cũng trở về với hư vô, chỉ còn tình người, sự cảm thông và thấu hiểu còn đọng lại.

Tài liệu trích dẫn

- [1] Nguyễn Văn Xuân (2002), *Kỳ nữ họ Tống*, Nxb Trẻ.
- [2] Nguyên Ngọc (2010), “Nguyễn Văn Xuân, nhà văn, nhà văn hóa, học giả lớn và độc đáo của xứ Quảng”, *Nguyễn Văn Xuân - một người Quảng Nam*, Tạp chí Xưa & Nay và Công ty TNHH Sách Phương Nam xuất bản, tr. 209-210.
- [3] Dịch Trung Thiên (2014), *Chuyện đàn ông, đàn bà Trung Quốc*, Sơn Lê dịch, Nxb Phụ nữ, tr.53
- [4] Các trích dẫn trong tiểu thuyết *Kỳ nữ họ Tống* từ nguồn: Nguyễn Văn Xuân (2002), *Kỳ nữ họ Tống*, Nxb. Trẻ.